TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **620**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2019
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hằng
2. Bà Võ Ngọc Phương

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thủy Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2019/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn,Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Chị E, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

Anh T có mặt, chị E vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị E cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có sự bất hòa, tính tình không còn phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh và chị E đã ly thân từ tháng 01/2012 cho đến nay. Nay anh thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị E

Về con chung: Có một con chung tên V, sinh ngày 02/11/2010. Hiện con đang sống cùng với chị E. Khi ly hôn anh để chị E được quyền trực tiếp nuôi con

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị E biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị E vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc anh T khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị E. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là chị E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị E cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X vào năm 2010 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T khai là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị E. Xét thấy chị E đã được Tòa án triệu tập đến để hòa giải đoàn tụ nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy phía chị E không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân giữa anh T và chị E đã kéo dài mà không giải

quyết được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa anh T và chị E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, cho anh T ly hôn với chị E là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị E có một con chung tên V, sinh ngày 02/11/2010. Anh T yêu cầu để chị E được trực tiếp nuôi con. Do chị E không hợp tác, Tòa án cũng đã tiến hành các biện pháp khác như đến nơi cư trú để lấy ý kiến, xác minh tại địa phương nhưng vẫn không xác định được nguyện vọng của con. Tuy nhiên, do hiện cháu V cũng đang sống trực tiếp với chị E nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và quan điểm điểm của đại diện Viện Kiểm sát, giao cháu V cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh T và chị E

2. Về nuôi con chung: Giao con chung V, sinh ngày 02/11/2010 cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên V, sinh ngày 02/11/2010 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 12/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị E cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 600.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2847 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh T còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- UBND xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc